

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 4	Lũy kế	Quý 4	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	277.833.685.454	837.856.396.054	288.211.430.952	772.213.627.386
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.419.485.562	5.232.624.834	1.067.720.689	2.117.478.339
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	275.414.199.892	832.623.771.220	287.143.710.263	770.096.149.047
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	235.115.496.253	646.029.182.137	223.556.372.678	536.767.557.153
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.298.703.639	186.594.589.083	63.587.337.585	233.328.591.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.399.093.799	32.672.017.707	78.951.209.585	128.438.049.306
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	43.484.756.326	59.960.306.004	38.065.732.299	88.120.145.675
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.510.749.814	26.297.611.585		38.138.603.999
8. Chi phí bán hàng	24		22.153.828.364	79.062.177.015	17.598.381.139	70.701.170.190
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.044.488.580	74.173.285.013	91.805.947.149	73.511.376.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.985.275.832)	6.070.838.758	(4.931.513.417)	129.433.949.297
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.770.504.649	11.979.928.071	2.590.132.719	31.169.761.949
12. Chi phí khác	32		5.320.040.685	11.186.166.455	1.879.721.878	6.707.232.090
13. Lợi nhuận khác	40		1.450.463.964	793.761.616	710.410.841	24.462.529.859
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50			854.094.519		(5.440.121.197)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(41.534.811.868)	7.718.694.893	(4.221.102.576)	148.456.357.960
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.8	(10.401.630.105)	1.715.338.568	1.744.751.549	17.436.884.965
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62			488.601.265		15.006.020.558
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(31.133.181.763)	5.514.755.060	(5.965.854.125)	116.013.452.437
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71			(7.442.993.891)	(2.985.021.238)	(11.461.148.648)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		(31.133.181.763)	12.957.688.951	(2.980.832.887)	127.474.601.085
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9				

Người lập biểu

Lê Thành Hưng

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Tín

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Minh Phú